

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **99/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/7/2023

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngẫu.

Bà Trần Thị Hồng Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 1065/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Hồng N**, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Phạm Văn H**, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã C, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 12 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn H kết hôn với nhau vào vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã UBND xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai vào ngày 10/11/2006. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến

vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau, ông H đi làm không đưa tiền về để chăm lo cho gia đình, con cái. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Đến khoảng năm 2020 ông H bỏ đi biệt tích, bà đã đi tìm kiếm nhiều nơi nhưng cũng không có tin tức gì của ông H. Tháng 04/2022 bà làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Thành tuyên bố ông H mất tích. Ngày 05/10/2022 Tòa án Long Thành ban hành quyết định số 11/2022/QĐST-DS tuyên bố ông Phạm Văn H mất tích. Từ thời điểm Tòa án tuyên bố mất tích đến nay bà cũng không có bất cứ tin tức gì của ông H.

Nay bà xác định không còn tính cảm gì với ông H nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là Phạm Minh Q, sinh ngày 24/9/2007 và Phạm Hoàng Kim Ng, sinh ngày 23/11/2015. Hiện nay các cháu đang ở với bà, trường hợp ly hôn bà đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn H đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa làm việc nên không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Từ khi thụ lý, quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Bà N và ông H là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai vào ngày 10/11/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2008 phát sinh mâu thuẫn, do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau. Vợ chồng bà N, ông H đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Đến khoảng năm 2020 ông H bỏ đi biệt tích. Ngày 05/10/2022 Tòa án Long Thành ban hành quyết định số 11/2022/QĐST-DS tuyên bố ông Phạm Văn H mất tích. Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Minh Q, sinh ngày 24/9/2007 và Phạm Hoàng Kim Ng, sinh ngày 23/11/2015. Ly hôn bà N đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị giao cháu Q, cháu Ng cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Trương Thị Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn. Bị đơn ông Phạm Văn H có đăng ký thường trú và địa chỉ cư trú cuối cùng tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

[3]. Về nội dung: Bà Trương Thị Hồng N và ông Phạm Văn H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai vào ngày 10/11/2006. Quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hòa hợp nên thường xảy ra mâu thuẫn. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt, bà N xin ly hôn ông H tại Tòa án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Hồng N về việc xin ly hôn với ông Phạm Văn H thì thấy rằng: Bà N, ông H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai vào ngày 10/11/2006 nên xác định hôn nhân giữa bà N, ông H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do

bất đồng quan điểm, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Mặt khác tháng 04/2022 bà N làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Thành tuyên bố ông H mất tích. Ngày 05/10/2022 Tòa án Long Thành ban hành quyết định số 11/2022/QĐST-DS tuyên bố ông Phạm Văn H mất tích. Xét thấy, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, quá trình ly thân đã lâu nhưng vợ chồng không bàn bạc đoàn tụ chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt, ông H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích từ ngày 05/10/2022, từ đó đến nay cũng không có tin tức gì. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, xử cho bà Trương Thị Hồng N được ly hôn ông Phạm Văn H.

Về con chung: Bà N, ông H có 02 con chung là cháu Phạm Minh Quân, sinh ngày 24/9/2007 và Phạm Hoàng Kim Nghi, sinh ngày 23/11/2015. Ly hôn bà N có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu về việc nuôi con của bà N thì thấy rằng: Từ khi ông H bỏ đi đến nay bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Quân và cháu Nghi có nguyện vọng được ở với bà N. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển một cách toàn diện của các con thì cần tiếp tục giao cháu Quân, cháu Nghi cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng do bà N không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4]. Về án phí: Bà N là người nộp đơn xin ly hôn nên pH chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hồng N về việc xin ly hôn với ông Phạm Văn H. Xử cho bà Trương Thị Hồng N được ly hôn với ông Phạm Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Phạm Minh Quân, sinh ngày 24/9/2007 và Phạm Hoàng Kim Nghi, sinh ngày 23/11/2015 cho bà Trương Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông H không pH cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bà N, ông H vẫn pH có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Ông H có quyền thăm nom con; không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

5. Về án phí: Bà Trương Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0006708 ngày 21/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Bà N đã nộp đủ án phí.

Bà N, ông H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

*** Nơi nhận :**

- CCTHADS H. Long Thành;
- VKSND H. Long Thành;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

Lê Thị Ánh Sáng – Nguyễn Văn Ba

Nguyễn Văn Thành

